

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/LĐ-ST

Ngày: 25/7/2018

V/v “Đơn phương chấm dứt
hợp đồng lao động”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lượng

2/ Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương -Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2017/TLST- LĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017, về việc “Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2018/QĐXXST-LĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty TNHH C

Địa chỉ: số A đường D, khu phức hợp S, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thái H- sinh năm 1982

Địa chỉ: số E đường Đ, khu phố G, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
(có mặt)

Văn bản ủy quyền ngày 21/9/2017 của Công ty TNHH C

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T- sinh năm 1991

Cư trú: số M đường N, khu phố H, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2017 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Ngày 01/10/2016 Công ty TNHH C và bà Nguyễn Thị Thanh T có ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 116042/KXDTH, công việc của bà T là quản lý phần mềm thi công xây dựng, mức lương chính 3.750.000đồng, tiền cơm trưa 600.000đồng, tiền trang phục 400.000đồng, tiền hỗ trợ xăng xe và điện thoại 600.000đồng. Tổng tiền lương hàng tháng bà T nhận là 5.350.000đồng, thời gian làm việc 5,5ngày/tuần. Đồng thời, cùng ngày 01/10/2016 hai bên còn ký kết bản thoả thuận đào tạo nghề với chi phí đào tạo nghề là 15.000.000đồng. Đến ngày 07/3/2017 bà T có gửi email cho giám đốc công ty thông báo từ ngày 14/3/2017 bà T sẽ nghỉ việc do bận việc gia đình nên không thể tiếp tục làm việc. Ngày 10/3/2017 công ty đã có văn bản trả lời cho bà T về việc không chấp nhận đơn xin thôi việc của bà T. Ngày 11/3/2017 bà T không đến công ty làm việc. Ngày 24/3/2017 công ty đã có văn bản yêu cầu bà T bồi thường các khoản tại thoả thuận đào tạo nghề ngày 01/10/2016.

Tại đơn khởi kiện, Công ty TNHH C yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T bồi thường số tiền 29.291.000đồng. Tuy nhiên, nay Công ty TNHH C thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với tổng số tiền là 26.878.475đồng, bao gồm các khoản tiền sau:

- Bồi thường nửa tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 2.675.000đồng.

- Bồi thường số tiền tương ứng 41 ngày vi phạm thời hạn báo trước là $224.475\text{đồng/ngày} \times 41\text{ ngày} = 9.203.475\text{đồng}$.

Tổng cộng số tiền bà T phải bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 11.878.475đồng.

- Bồi thường chi phí đào tạo theo thoả thuận ngày 01/10/2016 là 15.000.000đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, không chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí đào tạo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp dân sự về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nên căn cứ Khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường L, quận T thì bà Nguyễn Thị Thanh T có nơi cư trú tại quận T nên căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Nguyễn Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T.

[3] Tại phiên tòa, Công ty TNHH C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Nay Công ty TNHH C yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với tổng số tiền là 26.878.475đồng. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C là phù hợp, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 01/10/2016 giữa Công ty TNHH C và bà Nguyễn Thị Thanh T đã ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Theo đó, bà T làm việc tại Công ty TNHH C với công việc là quản lý phần mềm thi công xây dựng, mức lương chính 3.750.000đồng, tiền cơm trưa 600.000đồng, tiền trang phục 400.000đồng, tiền hỗ trợ xăng xe và điện thoại 600.000đồng, thời gian làm việc 5,5ngày/tuần. Ngày 07/3/2017, bà T đã gửi email cho giám đốc Công ty TNHH C thông báo ngày 14/3/2017 bà T sẽ nghỉ việc tại Công ty do bận việc gia đình. Công ty TNHH C không đồng ý với yêu cầu đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của bà T. Tuy nhiên, ngày 11/3/2017 bà T đã nghỉ việc.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 37 Bộ luật Lao động năm 2012 thì người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, nhưng phải báo cho người sử dụng lao động biết trước ít nhất 45 ngày, trừ trường hợp lao động nữ mang thai nếu có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền chứng nhận nếu tiếp tục làm việc sẽ ảnh hưởng xấu tới thai nhi. Như vậy, bà T đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không đảm bảo quy định về thời gian báo trước với số ngày vi phạm là 41 ngày. Căn cứ quy định tại Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2012 có căn cứ xác định bà T đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với Công ty TNHH C.

Hợp đồng lao động ký kết giữa 02 bên ngày 01/10/2016 đã xác định hàng tháng bà T nhận mức lương chính 3.750.000đồng, tiền cơm trưa 600.000đồng, tiền trang phục 400.000đồng, tiền hỗ trợ xăng xe và điện thoại 600.000đồng. Theo quy định tại Điều 90 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định tiền lương bao gồm mức lương theo công việc, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động (sau đây gọi tắt là Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015), Điều 3 Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23/6/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về tiền lương của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015, Điều 4 Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về hợp đồng, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 đã xác định tiền cơm trưa, tiền trang phục, tiền hỗ trợ xăng xe điện thoại không được xem là các khoản bổ sung khác để làm căn cứ tính tiền lương của người lao động. Như vậy, tiền lương hàng tháng của bà T để làm căn cứ tính bồi thường

do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 3.750.000đồng, không phải 5.350.000đồng như yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên toà.

[4.1] Xét yêu cầu bồi thường nửa tháng tiền lương với số tiền 2.675.000đồng:

Như đã phân tích ở trên, bà T đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên yêu cầu này của Công ty TNHH C là có cơ sở nên được chấp nhận với số tiền là $3.750.000\text{đồng}/2 = 1.875.000\text{đồng}$. Số tiền Công ty TNHH C không được chấp nhận là $2.675.000\text{đồng} - 1.875.000\text{đồng} = 800.000\text{đồng}$.

[4.2]: Xét yêu cầu bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước với số tiền 9.203.475đồng:

Bà T vi phạm thời hạn báo trước là 41 ngày nên yêu cầu này của Công ty TNHH C được chấp nhận với số tiền là: $3.750.000\text{đồng}/24\text{ ngày} \times 41\text{ ngày} = 6.406.250\text{đồng}$. Số tiền Công ty TNHH C không được chấp nhận là $9.203.475\text{đồng} - 6.406.250\text{đồng} = 2.797.225\text{đồng}$.

[4.3] Xét yêu cầu bồi thường chi phí đào tạo với số tiền 15.000.000đồng:

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 Bộ luật Lao động năm 2012 chi phí đào tạo bao gồm các khoản chi có chứng từ hợp lệ về chi phí trả cho người dạy, tài liệu học tập, trường, lớp, máy, thiết bị, vật liệu thực hành, các chi phí khác hỗ trợ cho người học và tiền lương, tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người học trong thời gian đi học. Mặc dù, giữa bà T và Công ty TNHH C có ký thoả thuận đào tạo nghề ngày 01/10/2016 với chi phí đào tạo là 15.000.000đồng nhưng hình thức đào tạo theo như trình bày của đại diện nguyên đơn là công ty cử người hướng dẫn, bồi dưỡng trực tiếp cho bà T tại công ty trong công việc, mua phần mềm quản lý xây dựng nhưng Công ty TNHH C không cung cấp được các chứng từ hợp lệ chứng minh cụ thể cho chi phí đào tạo nên yêu cầu này của Công ty TNHH C không có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền bà Nguyễn Thị Thanh T phải bồi thường cho Công ty TNHH C do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là $1.875.000\text{đồng} + 6.406.250\text{đồng} = 8.281.250\text{đồng}$.

Tổng số tiền Công ty TNHH C không được chấp nhận là $800.000\text{đồng} + 2.797.225\text{đồng} + 15.000.000\text{đồng} = 18.597.225\text{đồng}$.

[5] Về án phí lao động sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C được chấp nhận một phần nên bà T phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho Công ty TNHH C là $8.281.250\text{đồng} \times 3\%$ (nhưng không thấp hơn 300.000đồng) nên số tiền án phí bà T phải nộp là 300.000đồng.

Công ty TNHH C phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận là $18.597.225\text{đồng} \times 3\% = 557.917\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 32, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Khoản 3 Điều 37, Điều 41, Điều 43, Điều 62 và Điều 90 Bộ luật Lao động năm 2012.

- Căn cứ Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động.

- Căn cứ Điều 3 Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23/6/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về tiền lương của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động.

- Căn cứ Điều 4 Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về hợp đồng, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm bồi thường cho Công ty TNHH C số tiền 8.281.250 (tám triệu hai trăm tám mươi một ngàn hai trăm năm mươi) đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Kể từ ngày Công ty TNHH C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Thanh T vi phạm nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Thanh T còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C với số tiền là 18.597.225 (mười tám triệu năm trăm chín mươi bảy ngàn hai trăm hai mươi lăm) đồng.

3/ Án phí lao động sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí lao động sơ thẩm.

Công ty TNHH C phải nộp 557.917 (năm trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm mười bảy) đồng án phí lao động sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH C đã nộp 439.365 (bốn trăm ba mươi chín ngàn ba trăm sáu mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0037662 ngày 27/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Công ty TNHH C phải nộp số tiền án phí còn lại là 118.552 (một trăm mười tám ngàn năm trăm năm mươi hai) đồng.

4/ Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH C có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Thanh T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Lệ Thủy